

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:335/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2019.

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trúc Thiện.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc- Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa:*** Bà Đoàn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1440/2019/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Ng Th L, sinh năm: 1981

Đại chỉ: 54A1, KP2, phường Long Bình Tân, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bi đơn:*** Ông Tr Đ P, sinh năm 1978

Địa chỉ: 54A1, KP2, phường Long Bình Tân, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: 19, Trần Hữu Dực, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân Nhật

Địa chỉ: Đường số 06, KCN Tam Phước, phường Tam Phước, TP Biên Hòa, Đồng Nai.

- Chị Mai Thị Liễu, sinh năm 1988

- Địa chỉ: 167 tổ 1, khu phố 12, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**\*Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2019, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ng Th L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân, bà và ông Tr Đ P lập gia đình với nhau vào năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn trong chuyện tình cảm, tiền bạc, nguyên nhân là do ông Phú thường xuyên đánh bài, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống không thể giải quyết, hay xảy ra cãi vã dẫn đến xung đột trong cuộc sống. Bà xác định không còn tình cảm với ông Phú nữa, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2019. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Tr Đ P để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là Trịnh Đăng Hải, sinh ngày 14/3/2007 và Trịnh Ngân Hà, sinh ngày 18/11/2012. Sau khi ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, bà yêu cầu ông Phú cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Mỗi cháu 2.500.000đ/tháng).

Hiện nay hai con đang sống với bà, bà là giáo viên, ngoài giờ lên lớp bà còn trông một số buổi trong tuần nên bà có điều kiện chăm sóc, dạy bảo và gần gũi con được nhiều hơn. Bên cạnh đó bà có kiến thức và kỹ năng sư phạm để dạy, truyền thụ kiến thức cho các con tốt hơn. Mức lương mỗi tháng của bà là 7.423.000đ, ngoài lương bà còn có thu nhập thêm là tiền dạy kèm các cháu học sinh vì hiện nay phụ huynh có nhu cầu cho con em được nâng cao kiến thức tiếng anh. Với tiền lương và tiền dạy kèm của bà, bà đảm bảo được phân tài chính để chăm lo và nuôi dưỡng các cháu. Ngoài ra bà còn có mẹ ruột giúp bà chăm sóc các cháu từ khi hai cháu lọt lòng đến bây giờ.

Tài sản chung: Đã tự thỏa thuận và xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Trong quá trình chung sống với ông Phú bà trình bày ông bà có 02 khoản nợ chung:

- Ngày 31/7/2018 bà có thể chấp sỏ lương vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh Đồng Nai, phòng giao dịch Tam Phước số tiền 70.000.000đ theo hợp đồng tín dụng 5903-LAV-201800803, số tiền vay này bà và ông Phú sử dụng trang trải chung trong gia đình, vào ngày 15/7/2019 bà có đưa cho ông Phú 30.000.000đ để ông Phú lo công việc của ông Phú, tính đến

ngày 20/7/2019 mức dư nợ còn lại là 46.600.000đ. Tiền gốc và lãi hàng tháng do bà trả đầy đủ cho Ngân hàng.

- Ngày 31/01/2019 bà vay của bà Mai Thị Liễu là vợ của bà số tiền là 118.000.000đ. Số tiền này bà vay để nộp tiền thuế làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất (có giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 31/7/2019). Khi vay tiền bà Liễu, hai bên có làm giấy, hiện nay bà đã trả cho bà Liễu số tiền trên. Căn nhà này là tài sản chung của cả hai vợ chồng vì vậy bà đề nghị ông Phú phải có trách nhiệm chung trong khoản nợ chung này. Khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi công nợ để bà và ông Phú cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và bà Liễu.

**\*Tại các bản tự khai, biên bản làm việc và tại phiên tòa, bị đơn ông Tr Đ P trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân của vợ chồng, theo như bà Luyến trình bày như trên là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó hay xảy ra mâu thuẫn, xích mích nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không thể giải quyết, hay xảy ra cãi vã dẫn đến xung đột trong cuộc sống. Hơn một năm nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Luyến thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là Trịnh Đăng Hải, sinh ngày 14/3/2007 và Trịnh Ngân Hà, sinh ngày 18/11/2012. Sau khi ly hôn, ông xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Ngân Hà, ông đồng ý giao cháu Trịnh Đăng Hải cho bà Luyến nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Đã tự thỏa thuận và bà Luyến xin rút nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông xác định trong quá trình chung sống với bà Luyến vợ chồng ông không có khoản nợ chung nào. Việc bà Luyến trình bày có hai khoản nợ chung trên ông hoàn toàn không biết, bà Luyến không có nói gì với ông, việc bà Luyến vay tiền trên đều là để sử dụng vào mục đích riêng của bà Luyến, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Vì vậy ông không đồng ý với yêu cầu của bà Luyến.

\* Tại bản tự khai ngày 29/10/2019 ông Hoàng Xuân Nhật, đại diện Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (có đơn xin vắng mặt) trình bày:

Bà Ng Th L là khách hàng vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –Chi nhánh Tam Phước Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-201800803/HĐTD ngày 31/7/2018, cụ thể như sau:

Số tiền giải ngân 70.000.000đ. Hình thức vay: Cho vay tiêu dùng tín chấp, nguồn trả nợ từ tiền lương hàng tháng và có xác nhận bảo lãnh của Trường tiểu học Tân Mai 2. Dư nợ gốc còn lại của khoản vay đến ngày 29/10/2019 là 40.825.000đ. Khách hàng đã trả lãi vay đến ngày 21/10/2019.

Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng có ý kiến như sau:

Về vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Ng Th L và bị đơn ông Tr Đ P, Ngân hàng không có ý kiến gì.

Đối với khoản vay tại Ngân hàng, khoản vay do bà Ng Th L đứng tên trực tiếp vay, khoản vay tín chấp có nguồn trả nợ từ tiền lương của khách hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà Luyến phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa bà Luyến và Ngân hàng. Hiện nay khoản vay của bà Luyến tại Ngân hàng chưa phát sinh vi phạm, khách hàng thực hiện trả nợ đầy đủ và đúng kỳ hạn nên Ngân hàng đồng ý để bà Luyến tiếp tục thực hiện việc trả nợ vay theo hợp đồng đã ký. Trường hợp khoản vay của bà Luyến tại Ngân hàng phát sinh vi phạm, khách hàng không thực hiện trả nợ theo cam kết thì Ngân hàng sẽ tiến hành khởi kiện bà Luyến vi phạm hợp đồng tín dụng bằng một vụ án khác.

Chị Mai Thị Liễu trình bày: Chị xin rút đơn yêu cầu độc lập không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Luyến, ông Phú có nghĩa vụ trả nợ cho chị số tiền 118.000.000 đồng lý do thực chất chị Luyến đã trả cho chị số tiền 118.000.000 đồng.

**\* Ý kiến đại diện Viện sát nhân dân TP. Biên Hòa:**

Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua kiểm sát giải quyết vụ án dân sự từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công làm chủ tọa giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án này, các đương sự được Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

**Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định pháp luật.**

**Về việc giải quyết vụ án:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung giữa bà Luyến với ông Phú. Không chấp nhận yêu cầu của bà Luyến về việc khởi kiện nợ chung.

Về án phí DS-ST: Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về thủ tục tố tụng: Bà Ng Th L và ông Tr Đ P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét chị Mai Thị Liễu; ông Hoàng Xuân Nhật có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th L và ông Tr Đ P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà Ng Th L và ông Tr Đ P sau khi kết hôn, chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống.

Cả hai vợ chồng đều thừa nhận là mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, cả hai đã cố gắng để hàn gắn đoàn tụ nhưng tình hình không cải thiện được, hiện hai người đã sống ly thân. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Luyến, ông Phú cũng đồng ý nên công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Luyến và ông Phú.

### [2]Về con chung:

Có 02 con chung: Trịnh Đăng Hải, sinh ngày 14/3/2007 và Trịnh Ngân Hà, sinh ngày 18/11/2012.

Ly hôn, bà Luyến xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu ông Phú cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho cả hai cháu.

Ông Phú ông xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Ngân Hà, ông đồng ý để bà Luyến trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Đăng Hải. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con của bà Luyến, ông Phú là chính đáng. Việc chăm sóc và nuôi dưỡng con cái là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Tuy nhiên hiện tại hai cháu Trịnh Đăng Hải và Trịnh Ngân Hà đang sống với bà Luyến. Ông Phú cũng thừa nhận hiện nay các cháu đang sống với bà Luyến và bà Luyến là người đưa đón và lo cho các cháu ăn học. Cháu Trịnh Ngân

Hà là con gái hiện còn nhỏ, đang phát triển vì vậy cần thiết có sự chăm sóc của người mẹ, cháu Trịnh Đăng Hải và Trịnh Ngân Hà đều có nguyện vọng là muốn sống cùng với bà Luyến. Để ổn định cuộc sống của hai cháu, đảm bảo về điều kiện vật chất và tinh thần cho hai cháu, nghĩ nên để hai cháu tiếp tục sống chung với mẹ là bà Ng Th L là phù hợp.

Vì vậy, có căn cứ giao cả hai cháu Trịnh Đăng Hải và Trịnh Ngân Hà **cho bà Ng Th L trực tiếp** trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ông Phú có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 5.000.000 đồng/ tháng (mỗi cháu 2.500.000/tháng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Phú được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

**[3] Về tài sản chung:** Ngày 05/9/2019 bà Ng Th L có đơn rút yêu cầu về khởi kiện tài sản chung. Xét việc rút này phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này và trả lại tiền tạm ứng án phí.

**[4] Về nợ chung:** Bà Luyến trình bày trong quá trình chung sống với ông Phú thì ông bà có 02 khoản nợ chung, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ chung này.

Đối với khoản nợ chung thứ nhất: Bà Luyến trình bày vào ngày 31/01/2019 bà có vay của bà Mai Thị Liễu số tiền 118.000.000đ. Số tiền này bà vay để nộp tiền thuế làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất (có giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 31/7/2019).

Xét thấy, khoản nợ trên vào ngày 16/10/2019 bà Mai Thị Liễu đã có đơn rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Luyến và ông Phú phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà số tiền 118.000.000đ nữa, lý do thực chất bà Luyến đã trả cho bà số tiền trên, do đó bà không yêu cầu nữa. Bên cạnh đó ông Tr Đ P cũng không thừa nhận có khoản nợ trên, ông trình bày ông không biết khoản nợ trên và không biết bà Luyến vay để nhằm mục đích gì vì khi bà Luyến vay ông không biết, bà Luyến cũng không bàn bạc gì với ông. Còn số tiền này bà Luyến cho rằng vay để nộp thuế làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không thừa nhận vì vợ chồng ông có tiết kiệm được một khoản tiền đủ để sử dụng vào việc đóng thuế sử dụng đất không phải đi vay của bà Liễu để đóng thuế. Trường hợp bà Luyến vay, thì theo bà Liễu cho biết bà Luyến đã trả cho bà Liễu rồi thì bà Luyến đã sử dụng số tiền tiết kiệm của vợ chồng để trả cho bà Liễu khoản nợ trên.

Từ những căn cứ trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Luyến về khoản nợ chung này.

Đối với khoản nợ chung thứ hai: Bà Luyến trình bày ngày 31/7/2018 bà có thể chấp số lương vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh Đồng Nai, phòng giao dịch Tam Phước số tiền 70.000.000đ theo hợp đồng tín dụng 5903-LAV-201800803, số tiền vay này bà cho rằng mục đích vay để bà và ông Phú sử dụng trang trải chung trong gia đình, vào ngày 15/7/2019 bà có đưa cho ông Phú 30.000.000đ để ông Phú lo công việc của ông Phú, theo cung cấp của Ngân hàng thì tính đến ngày ngày 29/10/2019 mức dư nợ còn lại là là 40.825.000đ . Tiền gốc và lãi hàng tháng do bà trả đầy đủ cho Ngân hàng.

Việc bà Luyến khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia khoản nợ chung này nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà dùng khoản vay này vào mục đích thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, mặt khác trong quá trình làm việc ông Phú cũng không thừa nhận có khoản nợ chung này, ông cho rằng ông không biết gì về khoản nợ này, bà Luyến không đưa cho ông số tiền 30.000.000đ trong khoản vay này, việc bà Luyến vay ông không hề biết gì và bà Luyến vay cũng không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Điều đó cho thấy việc bà Luyến thực hiện giao dịch vay tiền của Ngân hàng nhưng không có sự thỏa thuận với ông Phú, không có sự đồng ý của ông Phú.

Bên cạnh đó đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cung cấp thông tin về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà Luyến thì đây là khoản vay do bà Ng Th L đứng tên trực tiếp vay, khoản vay tín chấp có nguồn trả nợ từ tiền lương của khách hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà Luyến phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa bà Luyến và Ngân hàng. Hiện nay khoản vay của bà Luyến tại Ngân hàng chưa phát sinh vi phạm, khách hàng thực hiện trả nợ đầy đủ và đúng kỳ hạn nên Ngân hàng đồng ý để bà Luyến tiếp tục thực hiện việc trả nợ vay theo hợp đồng đã ký. Trường hợp khoản vay của bà Luyến tại Ngân hàng phát sinh vi phạm, khách hàng không thực hiện trả nợ theo cam kết thì Ngân hàng sẽ tiến hành khởi kiện bà Luyến vi phạm hợp đồng tín dụng bằng một vụ án khác.

Xét thấy, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết đối với khoản nợ này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện Tòa án sẽ dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

**[4] Về án phí HNGĐ-ST:** Bà Ng Th L phải chịu tiền án phí xin ly hôn là 300.000đ. Trả lại cho bà Ng Th L tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung do rút yêu cầu.

Ông Tr Đ P phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

**[5]** Đối với phần phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án như trên. Xét thấy, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng Điều 31, 32, 56, 58, 60, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ng Th L.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ng Th L và ông Tr Đ P.

-**Về con chung:** Giao hai con chung là: Trịnh Đăng Hải, sinh ngày 14/3/2007 và Trịnh Ngân Hà, sinh ngày 18/11/2012 cho bà Ng Th L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Tr Đ P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng (mỗi cháu 2.500.000/tháng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Tr Đ P được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung.

- **Về nợ chung:** Không chấp nhận yêu cầu của bà Luyến về việc chia khoản nợ chung 118.000.000đ và 70.000.000 đồng.

Tách khoản nợ giữa bà Ng Th L với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển



nông thôn Việt Nam để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

**- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Ng Th L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ng Th L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008467 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Hoàn trả cho bà Ng Th L 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008468 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Ông Tr Đ P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp.
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Trúc Thiện**



# Xác định nợ riêng, nợ chung của vợ chồng

Theo Điều 37 [Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014](#), vợ, chồng phải cùng trả các khoản nợ thuộc các trường hợp sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;
2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;
3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;
4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;
5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;
6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.”

Điều 27 Luật này cũng khẳng định: Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ nêu trên.

Đồng thời, vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật Hôn nhân và gia đình (đại diện giữa vợ, chồng trong quan hệ kinh doanh...).

## **Không có nghĩa vụ trả khoản nợ riêng**

Cũng theo các quy định nêu trên, khoản nợ không do 02 bên cùng thỏa thuận mà do một bên tự ý xác lập thuộc các trường hợp sau thì có thể được xác định là nợ riêng:

1. Không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;
2. Không phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;
3. Không để duy trì, không để phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;
4. Không phải nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra theo quy định pháp luật;
5. Không phải thuộc trường hợp đại diện giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 24, 25 và 26 của [Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014](#)”.

Đối với khoản nợ riêng này, người xác lập có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ, không được dùng tài sản chung của vợ chồng để thanh toán cho những khoản nợ này.

Điều 6 và khoản 5 Điều 70 [Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015](#) quy định: Đương sự có quyền, nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án, chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Như vậy, khi có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ, bên có yêu cầu chứng minh được việc vay tiền để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như: Ăn ở, học hành, chữa bệnh... thì Tòa án có thể quyết định đó là nợ chung, vợ chồng cùng có trách nhiệm trong việc trả nợ.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- VKSND Tp Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp.
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phú**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

